TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN VỊ THỦY** **TỈNH HẬU GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 61/2025/HNGĐ-ST
Ngày: 29 - 5 - 2025
V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VỊ THỦY, TỈNH HẬU GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Võ Thị Ánh Trúc.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Trần Thị Bé Ngọc.

2. Bà Nguyễn Thị Tua.

- Thư ký phiên tòa: Ông Trương Phước Lộc - Thư ký viên, Tòa án nhân dân huyện Vị Thủy, tỉnh Hậu Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vị Thủy, tỉnh Hậu Giang tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Mỹ Phương - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 5 năm 2025, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Vị Thủy, tỉnh Hậu Giang mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 225/2024/TLST-HNGĐ ngày 14 tháng 10 năm 2024 về tranh chấp ly hôn, nuôi con khi ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 101/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 11 tháng 4 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 96/2025/QĐST-HNGĐ ngày 08 tháng 5 năm 2025, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Ngô Thu X; sinh năm: 1984. (Vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp G, xã V, huyện V, tỉnh Hậu Giang.

2. Bị đơn: Anh Nguyễn Văn Đ, sinh năm 1984. (Vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp G, xã V, huyện V, tỉnh Hậu Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Ngô Thu X trình bày:

Chị Ngô Thu X và anh Nguyễn Văn Đ tự nguyện kết hôn và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã V, huyện V, tỉnh Hậu Giang theo Giấy chứng nhận kết hôn số: 68 ngày 04/8/2011. Thời gian đầu vợ, chồng chị X và anh Đ chung sống rất hạnh phúc nhưng về sau thì phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, hôn nhân không hạnh phúc, đời sống chung không thể tiếp tục kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vợ, chồng chị X và anh Đ đã ly thân hơn 01 năm. Nay tôi yêu cầu được ly hôn với anh Nguyễn Văn Đ.

Về con chung: Chúng tôi có 02 con chung tên Nguyễn Chí N, sinh ngày 27/7/2005 đã trưởng thành và Nguyễn Chí P sinh ngày 14/10/2011. Hiện tại cháu Nguyễn Chí P đang sống chung với anh Nguyễn Văn Đ. Khi ly hôn, tôi yêu cầu được nhường quyền trực tiếp nuôi dưỡng con chung là cháu Nguyễn Chí P cho anh Nguyễn Văn Đ và tôi chưa phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Theo biên bản lấy lời khai và trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn anh Nguyễn Văn Đ trình bày:

Tôi và chị Ngô Thu X tự nguyện kết hôn và có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật như lời trình bày của chị Ngô Thu X. Thời gian đầu chúng tôi chung sống rất hạnh phúc, nhưng cách nay 01 năm chúng tôi có mâu thuẫn và sống ly thân cho đến nay. Tôi còn thương vợ nên không muốn ly hôn.

Về con chung: Chúng tôi có 02 con chung tên Nguyễn Chí N, sinh ngày 27/7/2005 đã trưởng thành và Nguyễn Chí P, sinh ngày 14/10/2011. Hiện tại cháu Nguyễn Chí P đang sống chung với tôi - Nguyễn Văn Đ. Khi ly hôn, tôi yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung là cháu Nguyễn Chí P; tôi chưa yêu cầu chị Ngô Thu X phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại Văn bản ý kiến nộp cho Tòa án, cháu Nguyễn Chí P thể hiện ý kiến, nguyện vọng được sống chung với cha khi cha, mẹ của cháu ly hôn.

Tại phiên tòa, nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

Nguyên đơn đã giao nộp chứng cứ: Bản tự khai của nguyên đơn, Căn cước công dân của nguyên đơn (bản phô tô), Đơn xin xác nhận địa chỉ cư trú của bị đơn, Giấy chứng nhận kết hôn (bản sao), Giấy khai sinh của con chung (bản sao).

Bị đơn đã giao nộp chứng cứ: Căn cước công dân của bị đơn (bản phô tô).

Tòa án đã thu thập các tài liệu, chứng cứ: Biên bản lấy lời khai của bị đơn; Biên bản xác minh ngày 05/3/2025.

Các tình tiết, sự kiện không phải chứng minh: Chị Ngô Thu X và anh Nguyễn Văn Đ đăng ký kết hôn ngày 04/8/2011 tại Ủy ban nhân dân xã V, huyện V, tỉnh Hậu Giang. Vợ, chồng chị Ngô Thu X và anh Nguyễn Văn Đ có 02 (hai) con chung tên Nguyễn Chí N, sinh ngày 27/7/2005 và Nguyễn Chí P sinh ngày 14/10/2011.

Các tình tiết mà các bên đã thống nhất:

- Về con chung: Khi ly hôn, anh Nguyễn Văn Đ được trực tiếp nuôi dưỡng con chung là cháu Nguyễn Chí P; chị Ngô Thu X chưa phải cấp dưỡng nuôi con; cháu Nguyễn Chí N đã đủ 18 tuổi, không thuộc trường hợp mất năng lực hành vi dân sự hoặc không có khả năng lao động và không có tài sản để tự nuôi mình nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vị Thủy, tỉnh Hậu Giang tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm:

- Về việc chấp hành pháp luật: Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và những người tham gia tố tụng đã chấp hành đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự từ khi thụ lý vụ án đến khi xét xử.

- Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết: Về quan hệ hôn nhân: Cho chị Ngô Thu X và anh Nguyễn Văn Đ ly hôn. Về con chung: Giao con chung là cháu Nguyễn Chí P, sinh ngày 14/10/2011 cho anh Nguyễn Văn Đ trực tiếp nuôi dưỡng. Về cấp dưỡng cho con: Chị Ngô Thu X chưa phải cấp dưỡng cho con. Về tài sản chung: Đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên đề nghị không xem xét. Về nợ chung: Đương sự khai không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên đề nghị không xem xét. Về án phí: Buộc các đương sự phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết việc ly hôn và tranh chấp về nuôi con khi ly hôn với bị đơn. Do đó,

xác định quan hệ pháp luật tranh chấp là tranh chấp ly hôn, nuôi con khi ly hôn theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về thẩm quyền giải quyết: Bị đơn có nơi cư trú tại huyện V, tỉnh Hậu Giang. Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự và quan hệ pháp luật tranh chấp xác định vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Vị Thủy, tỉnh Hậu Giang.

[3] Về thủ tục tố tụng: Nguyên đơn vắng mặt và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai mà vẫn vắng mặt tại phiên tòa, không chứng minh được vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan. Do đó, căn cứ vào quy định tại Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử xét xử vắng mặt tất cả những người tham gia tố tụng.

[4] Về quan hệ hôn nhân: Chị Ngô Thu X và anh Nguyễn Văn Đ tự nguyện kết hôn và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã V, huyện V, tỉnh Hậu Giang theo Giấy chứng nhận kết hôn số: 68 ngày 04/8/2011. Xét thấy việc kết hôn của chị X và anh Đ tuân thủ theo các điều kiện quy định tại Điều 9 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000 nên hôn nhân giữa chị X và anh Đ là hợp pháp. Sau thời gian chung sống, vợ, chồng phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, hôn nhân không hạnh phúc. Bị đơn anh Đ không đồng ý ly hôn với chị X do tình cảm vợ, chồng vẫn còn. Tuy nhiên, anh Đ thừa nhận trong quá trình chung sống giữa vợ, chồng đã phát sinh mâu thuẫn dẫn đến hôn nhân không hạnh phúc. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành hòa giải, động viên và tạo điều kiện để vợ, chồng đoàn tụ nhưng chị X vẫn kiên quyết yêu cầu ly hôn với anh Đ. Xét thấy giữa chị X và anh Đ đã không còn tình nghĩa vợ chồng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được nên Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 51 và Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 giải quyết cho chị X và anh Đ ly hôn.

[5] Về con chung: Vợ, chồng chị X và anh Đ có 02 (hai) con chung là cháu Nguyễn Chí N, sinh ngày 27/7/2005 và Nguyễn Chí P sinh ngày 14/10/2011. Khi ly hôn, chị X và anh Đ thống nhất giao cháu P cho anh Đ trực tiếp nuôi dưỡng. Trong quá trình giải quyết vụ án, cháu P thể hiện ý kiến, nguyện vọng được sống chung với cha khi cha, mẹ của các cháu ly hôn. Do đó, theo quy định tại Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, căn cứ vào quyền lợi về mọi mặt của con, Hội đồng xét xử công nhận sự thỏa thuận của các đương sự, giao con chung là cháu P cho anh Đ trực tiếp nuôi dưỡng. Sau khi ly hôn, chị X có nghĩa vụ, quyền của người không trực tiếp nuôi con theo quy định

tại Điều 82 của của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; anh Đ có nghĩa vụ, quyền của người trực tiếp nuôi con đối với anh Đ theo quy định tại Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Đối với cháu N, tại thời điểm xét xử đã đủ 18 tuổi, không thuộc trường hợp mất năng lực hành vi dân sự hoặc không có khả năng lao động và không có tài sản để tự nuôi mình nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[6] Về cấp dưỡng cho con: Người trực tiếp nuôi con là anh Đ không yêu cầu người không trực tiếp nuôi con là chị X cấp dưỡng cho con. Xét thấy việc anh Đ không yêu cầu cấp dưỡng là tự nguyện nên Hội đồng xét xử chấp nhận và không xem xét.

[7] Về tài sản chung: Đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[8] Về nợ chung: Đương sự khai không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[9] Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với yêu cầu ly hôn theo quy định tại điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí của Tòa án.

[10] Về quyền kháng cáo: Đương sự được quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

[11] Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vị Thủy, tỉnh Hậu Giang tham gia phiên tòa là có căn cứ và phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 8 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000; Điều 51, Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 107, Điều 110, Điều 116, Điều 117 và Điều 118 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí của Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho chị Ngô Thu X và anh Nguyễn Văn Đ ly hôn.

2. Về con chung: Giao con chung là cháu Nguyễn Chí P, sinh ngày 14/10/2011 cho anh Nguyễn Văn Đ trực tiếp nuôi dưỡng.

Người không nuôi con có quyền và nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc nuôi dưỡng, giáo dục con mà không ai được cản trở. Người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

3. Về cấp dưỡng cho con: Chị Ngô Thu X chưa phải cấp dưỡng cho con.

4. Về án phí: Nguyên đơn chị Ngô Thu X phải chịu án phí dân sự sơ thẩm với số tiền là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng). Chuyển số tiền tạm ứng án phí chị Ngô Thu X đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: 0008796 ngày 07/10/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Vị Thủy, tỉnh Hậu Giang thành án phí. Chị Ngô Thu X không phải nộp thêm.

5. Về quyền kháng cáo: Đương sự được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

6. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo Điều 2 của Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 của Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
- Đương sự;
- TAND tỉnh Hậu Giang;
- VKSND huyện Vị Thủy;
- Chi cục THADS huyện Vị Thủy;
- UBND cấp xã nơi đăng ký kết hôn;
- Lưu hồ sơ vụ án, VP.

Võ Thị Ánh Trúc